

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 13/2021/HS-ST
Ngày 20-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Thanh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm.

Bà Nguyễn Kim Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỷ – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 258/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HS ngày 05 ngày 01 tháng 2021 đối với bị cáo:

Huỳnh Ngọc N, sinh năm 2001 tại tỉnh B; hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã V, huyện H, tỉnh B; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1982 và bà Trần Thị P, sinh năm 1974; có 02 anh em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt truy nã, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/9/2020; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Trương Thanh M, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh B. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Trần Thị P, sinh năm 1974; địa chỉ thường trú: Ấp V, xã V, huyện H, tỉnh B. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Ngọc N, Trần Văn K (sinh năm 1999, hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh C và Ngô Minh T (sinh ngày 09/3/2002; hộ khẩu thường trú: Tổ 29, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh A) là bạn bè với nhau và là những đối tượng nghiện ma túy đá. Khoảng cuối năm 2019, do không có nghề nghiệp ổn định, không có tiền mua ma túy sử dụng nên N, K và T rủ nhau đi trộm cắp tài sản của người khác trên địa bàn thị xã B để bán lấy tiền tiêu xài, cụ thể như sau:

Khoảng 03 giờ sáng ngày 11/12/2019, N rủ K và T đi trộm cắp tài sản thì K và T đồng ý. N điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở K và T đi lòng vòng trong khu công nghiệp M I tìm tài sản lấy trộm. Khoảng 3 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến trước nhà trọ M cạnh đường D14, thuộc khu phố 6, phường T, thị xã B, tỉnh B, N dừng xe ở bên đường và kêu T đứng canh giới, còn N và K đi bộ vào trong tìm các phòng trọ sơ hở để trộm cắp. Khi đi đến cửa phòng trọ số 3, K nằm xuống nhìn qua khe cửa thì phát hiện ông Trương Thanh M đang nằm ngủ dưới nền gạch, cạnh bên có để 01 điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro màu xanh. K kêu N đi kiểm 01 cái móc phơi đồ bằng kim loại làm thành cần móc rồi K đưa qua khe phía dưới cửa phòng trọ móc lấy được chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro màu xanh của ông M, bỏ vào túi quần bên phải của mình rồi cùng N đi ra ngoài kêu T điều khiển xe mô tô chở về nhà nghỉ S, đường D20 thuộc khu phố 6, phường T, thị xã B, tỉnh B nằm ngủ. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, K và N đem điện thoại trộm được của ông M đến tiệm cầm đồ không rõ tên và địa chỉ thuộc khu vực khu phố 6, phường T, thị xã B, tỉnh B bán được số tiền 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Tiền có được, cả ba N, T và K chia nhau tiêu xài hết.

Theo Kết luận về việc định giá tài sản ngày 31/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã B, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro màu xanh trị giá 7.600.000 đồng (bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ngày 28/8/2020, Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B đưa vụ án ra xét xử, tuyên xử Trần Văn K 01 năm 02 tháng tù và Ngô Minh T 06 tháng phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Riêng Huỳnh Ngọc N, trong quá trình điều tra đã bỏ trốn. Đến ngày 10/9/2020, N bị bắt truy nã. Tại Cơ quan Điều tra, Huỳnh Ngọc N đã thừa nhận hành vi cùng Trần Văn K và Ngô Minh T trộm cắp điện thoại của ông Trương Thanh M vào ngày 11/12/2019.

Về trách nhiệm dân sự, ông M yêu cầu N, T và K bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt số tiền 7.600.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường 2.530.000 đồng. Ngày 25/10/2020, bà Trần Thị P là mẹ ruột của bị can Huỳnh Ngọc N đã tự nguyện bồi thường cho ông M số tiền 2.530.000 đồng. Ông M đã nhận tiền, không yêu cầu bồi thường thêm và có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N.

Đối với xe mô tô không rõ biển số mà N sử dụng làm phương tiện phạm tội, xe này N mượn của một người bạn không rõ nhân thân và lai lịch, N đã trả xe lại cho người này vào sáng sáng 12/12/2019.

Tại Cơ quan Điều tra Công an thị xã B, bị cáo Huỳnh Ngọc N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 268/CT-VKSBC ngày 25/11/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B truy tố bị cáo Huỳnh Ngọc N về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Giữ N quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B tại Bản Cáo trạng số 268/CT-VKSBC ngày 25/11/2020 đối với bị cáo Huỳnh Ngọc N về tội: “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc N từ 08 tháng đến 10 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong. Về vật chứng: Đã xử lý xong.

Bị cáo Huỳnh Ngọc N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Trong quá điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, nội dung bản Cáo trạng số 268/CT-VKSBC ngày 25/11/2020 và Kết luận định giá ngày 31/01/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự của thị xã B.

Tại phiên tòa, bị cáo không đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận gì để đối đáp với Kiểm sát viên về nội dung luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo Huỳnh Ngọc N: Bị cáo nhận thức hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật hình sự nên đồng ý với quyết định truy tố của Cáo trạng và phần luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã Bến Cát, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người làm chứng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Huỳnh Ngọc N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, các đồng phạm, bị hại và

người làm chứng tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, do đó có đủ cơ sở kết luận:

Do không có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, Huỳnh Ngọc N đã rủ Trần Văn K và Ngô Minh T cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 11/12/2019, tại phòng trọ số 3 nhà trọ M, cạnh đường D14, thuộc khu phố 6, phường T, thị xã B, tỉnh B, T đã có hành vi cảnh giới cho N và K thực hiện hành vi lén lút lấy trộm chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro màu xanh trị giá 7.600.000 đồng (bảy triệu sáu trăm nghìn đồng) của ông Trương Thanh M.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác do bị cáo Huỳnh Ngọc N thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bản Cáo trạng số 268/CT-VKSBC ngày 25/11/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh B truy tố bị cáo với tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, phù hợp hoàn toàn với hành vi thực tế mà bị cáo đã gây ra.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự công cộng tại địa phương.

Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ điều kiện nuôi sống bản thân từ nguồn thu nhập hợp pháp nhưng vì tham lam, lười lao động nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để sử dụng cho mục đích cá nhân. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, biết rõ hành vi xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

- Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khung hình phạt nên chỉ xét xử ở khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Xét về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên sau khi thực hiện hành vi phạm tội, trong quá trình điều tra bị cáo N đã bỏ trốn và bị bắt truy nã. Điều này cho thấy bị cáo có thái độ xem thường pháp luật

nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cân nhắc đối với nhân thân của bị cáo. Do vậy, đối với bị cáo N cần phải có mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục giúp bị cáo ý thức rõ hơn về hành vi của bản thân và chính sách khoan hồng của pháp luật chỉ được áp dụng cho những người thực sự biết ăn năn hối cải.

Xét tính chất và mức độ phạm tội: Bị cáo N và các bị cáo K và T phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, cùng thực hiện hành vi đánh bạc. Bị cáo N đóng vai trò là khởi xướng, rủ rê, lôi kéo bị cáo K và T tham gia trộm cắp tài sản; còn bị cáo K và T tích cực tham gia. Do ngày 28/8/2020, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh B đã tuyên xử Trần Văn K 01 năm 02 tháng tù và Ngô Minh T 06 tháng tù phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên không đặt ra xem xét, giải quyết bị cáo K và T trong vụ án này.

Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Ông M yêu cầu các bị cáo N, T và K liên đới bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt số tiền 7.600.000 đồng. Bị cáo K và T đã bồi thường xong phần của các bị cáo. Ngày 25/10/2020, bà Trần Thị Phụng, là mẹ ruột của bị cáo Huỳnh Ngọc N đã tự nguyện bồi thường cho ông M số tiền 2.530.000 đồng. Ông M nhận tiền và có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N. Ông M không yêu cầu bồi thường thêm và bà Phụng không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã bồi thường thay cho bị cáo nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô không rõ biển số mà bị cáo N sử dụng làm phương tiện phạm tội, xe này bị cáo N mượn của một người bạn không rõ nhân thân và lai lịch. Bị cáo N đã trả xe lại cho người này vào sáng sáng 12/12/2019. Do đó, không đặt ra vấn đề giải quyết đối với chiếc xe này.

[5] Đối với hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 07/12/2019 của bị cáo N theo lời khai của Phan Lưu Vũ L (sinh năm 2000; hộ khẩu thường trú: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh B): Căn cứ theo lời khai của L và bị cáo N xác định bị cáo N không có liên quan đến hành vi phạm tội này của L. Do đó, Cơ quan Cảnh sát Điều tra không khởi tố đối với bị cáo N về hành vi phạm tội này là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[6] Đối với hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 05, 08 và 09/12/2019 của bị cáo N theo lời khai của Phan Lưu Vũ L (sinh năm 2000; hộ khẩu thường trú: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh B); Phan Lưu Vũ L1 (sinh năm 2003; hộ khẩu thường trú: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh B) và Trần Văn K (sinh năm 1999, hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh C): Cơ quan Cảnh sát

Điều tra đã tiến hành xác minh, điều tra tìm kiếm bị hại nhưng đến nay chưa có kết quả, khi nào xác định rõ sẽ xử lý sau theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Ngọc N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/9/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Huỳnh Ngọc N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án sơ thẩm.

Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thị Thanh Trúc

